

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày : 18-01-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Thảo
2. Ông Nguyễn Thanh Dũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2021/TLST-HNGĐ ngày 22-10-2021, về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31-12-2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện Ô, tỉnh V (vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện K, tỉnh L.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam M, Cục C10, Bộ Công an – thị trấn M, huyện P, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn B kết hôn vào ngày 11-10-2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B có bạn gái. Trong thời gian sống ly thân, chị N đi làm công nhân nên gửi con gái ruột của anh chị cho chị ruột của chị N chăm sóc, anh B về thăm con và có hành vi vi phạm pháp luật đối với con nên bị xử phạt tù. Vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh B, anh B đồng ý ly hôn.

Về con chung: chị N và anh B có 01 con chung tên Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 14-5-2012, hiện chị N đang nuôi con. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, anh B đồng ý.

Về cấp dưỡng cho con: chị N không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị N và anh B không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tại biên bản Tòa án ghi lời khai ngày 02-12-2021, người làm chứng là anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Anh là anh ruột của chị Nguyễn Thị N. Theo anh được biết, chị N và anh B chung sống đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B có bạn gái, dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân, anh

B đến thăm con ruột và có hành vi vi phạm pháp luật đối với con, hiện đang chấp hành án phạt tù. Theo anh nhận thấy thì chị N và anh B không có khả năng đoàn tụ.

Kiểm sát viên phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tổ tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị khắc phục về tố tụng. Về ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, buộc chị N chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là anh Nguyễn Văn B hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam M – Cục C10 - Bộ Công an – thị trấn M, huyện P, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N, bị đơn đơn là anh Nguyễn Văn B có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị N, anh B.

[2]. Về nội dung: Xét hôn nhân giữa chị N và anh B là hôn nhân hợp pháp, anh chị kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 11-10-2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B có bạn gái dẫn đến vợ chồng sống ly thân, trong thời gian sống ly thân anh B có hành vi vi phạm pháp luật

đối với con gái ruột của anh chị và bị xử phạt tù, hiện đang chấp hành án. Xét mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh B đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N yêu cầu ly hôn với anh B, anh B cũng có bản khai trình bày đồng ý ly hôn với chị N, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

Về con chung: chị N và anh B có 01 con chung tên Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 14-5-2012, hiện chị N đang nuôi con. Xét trong thời gian qua, cháu L sống với chị N được chị chăm sóc chu đáo, cháu đã có cuộc sống ổn định bên chị N nên việc chị N yêu cầu trực tiếp nuôi con là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng cho con: chị N không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con, Hội đồng xét xử không xem xét

Về tài sản chung, nợ chung: chị N, anh B trình bày anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Xét ý kiến và đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: chị Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 14-5-2012, hiện chị đang nuôi.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0002774 ngày 19-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí.

4. Chị N, anh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- + NĐ: (01);
- + BĐ: (01);
- VKSND. H. Tân Phước;
- Chi cục THADS. H. Tân Phước;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- UBND xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Thanh Liêm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

